

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

| A. Các quy định chung | |
|------------------------------|--|
| E-ĐKC 1.4 | <p>Chủ đầu tư là: Tổng công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC), 78A Duy Tân, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: 0236-2221028; Số fax: 0236-3625071. MST: 0400101394.</p> <p>Đại diện chủ đầu tư (Bên A): Ban quản lý dự án Lưới điện miền Trung, 89 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: 0236-6282089.</p> |
| E-ĐKC 1.7 | <p>Công trình bao gồm: thi công xây lắp TBA 110kV, hệ thống PCCC. Dự án: Nâng công suất TBA 110kV Thăng Bình</p> |
| E-ĐKC 1.10 | <p>Địa điểm Công trường tại TP Đà Nẵng và được xác định trong Bản vẽ nêu thuộc Chương V- Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.</p> |
| E-ĐKC 1.16 | <p>Ngày hoàn thành là: 120 ngày kể từ ngày Bên A thông báo khởi công.</p> |
| E-ĐKC 1.17 | <p>Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 120 ngày kể từ ngày Bên A thông báo khởi công .</p> |
| E-ĐKC 1.18 | <p>Ngày khởi công là: ngày Bên A thông báo khởi công.</p> |
| E-ĐKC 1.19 | <p>Nhà thầu là:</p> |
| E-ĐKC 1.29 | <p>- Tư vấn giám sát là: Ban quản lý dự án Lưới điện miền Trung: Giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị. Địa chỉ: 89 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng.</p> |
| E-ĐKC 2.1 | <p>Hoàn thành từng phần: Không</p> |
| E-ĐKC 2.3(i) | <p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản hợp đồng (Kèm theo Biểu giá và các Phụ lục); 2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. 3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (ĐKCT); 5. Điều kiện chung của hợp đồng (ĐKC); 6. E-HSMT và các tài liệu bổ sung, làm rõ E-HSMT (nếu có). 7. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ E-HSMT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); 8. Thoả thuận liên danh (nếu là nhà thầu liên danh). |

| | |
|------------------|---|
| | 9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có). |
| E-ĐKC 5.2 | <p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03% giá hợp đồng.</p> <p>- <u>Thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là:</u> Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày hết ngày thứ 28 sau khi bên B hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng và bên A nhận được bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>Trường hợp bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 03 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 03 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</p> <p><u>Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng:</u> Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; - Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; - Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; - Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh của cả liên danh.</p> <p>Nếu bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà bên B phải khắc phục thì bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> |
| E-ĐKC 5.4 | Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 |

| | |
|---------------------|---|
| | <p>ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng.</p> <p>Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.</p> |
| E-ĐKC 8.2(d) | Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu. |
| E-ĐKC 8.8(a) | Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 10 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường |
| E-ĐKC 8.11 | Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp. |
| E-ĐKC 9.3 | Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan. |
| E-ĐKC 11.1 | Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>]. |
| E-ĐKC 11.2 | Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng. |
| E-ĐKC 11.4 | Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Có giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định hiện hành. |
| E-ĐKC 19.1 | <p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho: Vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.</p> <p>Chủ đầu tư đã mua Bảo hiểm xây dựng công trình, Nhà thầu chịu mức khấu trừ (mức miễn thường) khi có rủi ro thuộc phạm vi bảo hiểm xây dựng công trình theo hợp đồng bảo hiểm mà Chủ đầu tư đã mua.</p> <p>+ Nhà thầu phải thông báo kịp thời (bằng điện thoại và sau đó bằng văn bản) cho chủ đầu tư về địa điểm, khối lượng, ước lượng giá trị tổn thất trong vòng 7 ngày sau khi xảy ra tổn thất.</p> <p>+ Nhà thầu có trách nhiệm trả chi phí và chỉ định nhân viên chủ chốt (Chỉ huy công trường) tham gia công tác đánh giá hiện trường.</p> <p>+ Nhà thầu phải tiến hành sửa chữa khắc phục tổn thất trong vòng 10 ngày sau khi có Biên bản đánh giá hiện trường và ý kiến của chủ đầu tư.</p> <p>+ Trong vòng 10 ngày sau khi có thông báo của chủ đầu tư, nhà thầu phải cung cấp tất cả các tài liệu đền bù theo yêu cầu của chủ đầu tư. Sau thời gian này, nếu nhà thầu không cung cấp các tài liệu đền bù theo yêu</p> |

| | |
|-----------------------------|--|
| | cầu của chủ đầu tư, nhà thầu phải chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại |
| E-ĐKC 20.1(a) | Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng, kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. |
| E-ĐKC 21 | Thông tin về Công trường là: trong khuôn viên TBA 110kV Thăng Bình, TP Đà Nẵng |
| E-ĐKC 24 | Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày Bên A bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu. |
| E-ĐKC 27.2 | <p>Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa là 30 ngày. Các bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến hợp đồng bằng cách thương lượng trực tiếp hoặc báo cáo cấp trên có thẩm quyền giải quyết.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các Bên không được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo các hợp đồng, thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó qua Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.</p> <p>- Nhà thầu có thời hạn 56 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p> <p>- Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng tại Tòa án là Tiếng Việt.</p> <p>- Quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên.</p> <p>- Bên thua kiện phải chịu mọi chi phí liên quan quá trình giải quyết tranh chấp</p> |
| B. Quản lý thời gian | |
| E-ĐKC 28 | <p>- Ngày khởi công: Là ngày Bên A thông báo khởi công.</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: 120 ngày kể từ ngày Bên A thông báo khởi công.</p> |
| E-ĐKC 29.1 | Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày từ ngày ký Hợp đồng. |
| E-ĐKC 29.4 | - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 30 ngày/1 lần. |

| | |
|------------------------------|--|
| | - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiên độ thi công chi tiết cập nhật: 0,1 % giá trị hợp đồng sau thuế/1 lần. |
| E-ĐKC 30.7 | Các trường hợp khác: Không áp dụng. |
| C. Quản lý chất lượng | |
| E-ĐKC 33.2 | <p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <p><i>Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu, mẫu, kết quả kiểm nghiệm, catalogue, biên bản thí nghiệm các loại thiết bị trước khi đưa vào công trình.</i></p> <p>Trong trường hợp cần thiết Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị kiểm tra thí nghiệm độc lập để đối chứng, nếu kết quả kiểm tra xác định rằng vật tư, thiết bị đó không đảm bảo yêu cầu hợp đồng thì Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan để khắc phục bao gồm chi phí cho việc thuê đơn vị thí nghiệm độc lập.</p> <p><i>Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với vật tư cấp cho công trình.</i></p> <p>Trong quá trình lựa chọn nhà thầu, ký kết và thực hiện hợp đồng, nếu có các phản ánh, khiếu nại của bên thứ ba về việc nhà thầu đã xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với vật tư, thiết bị cung cấp cho các đơn vị thì phản ánh, khiếu nại đó phải được bên thứ ba chứng minh bằng bản án, quyết định của tòa án Việt Nam hoặc kết luận, quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về hành vi vi phạm.</p> <p>Nhà thầu phải thực hiện lập Nhật ký thi công điện tử (NKTCĐT) và Biên bản nghiệm thu điện tử (BBNTĐT) trên phần mềm Quản lý Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam trong giai đoạn triển khai thi công xây dựng công trình theo quy định tại Quyết định số 631/QĐ-EVN ngày 20/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên phần mềm Quản lý Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam và văn bản số 2943/EVNCPC-ĐT ngày 25/4/2022 của Tổng công ty Điện lực miền Trung về việc phổ biến quy định triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên IMIS.</p> |
| D. Quản lý chi phí | |
| E-ĐKC 40 | Loại hợp đồng: đơn giá cố định |

| | |
|-------------------|---|
| E-ĐKC 41.1 | Giá hợp đồng: cố định |
| E-ĐKC 42.1 | <p>- Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trước thuế không bao gồm chi phí dự phòng sau khi hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>- Thời gian tạm ứng: trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đầy đủ hồ sơ tạm ứng.</p> <p>- Hồ sơ tạm ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị tạm ứng của Bên B: 02 bản gốc; + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) + Bảo lãnh tạm ứng với giá trị tương ứng với số tiền đề nghị tạm ứng theo Mẫu qui định trong HSMT: 01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) + Biên bản bàn giao mặt bằng thi công (bàn giao toàn bộ hoặc bàn giao từng phần. <p>- <i>Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo mẫu quy định trong hợp đồng với giá trị tương ứng giá trị được tạm ứng nêu trên và có thời gian hiệu lực đến khi bên Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng.</i></p> <p>- <i>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</i></p> <p><i>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</i></p> <p><i>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</i></p> <p><i>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</i></p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất</i></p> |

| | |
|------------|--|
| | <p>kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng."</p> <p>- Quản lý chi phí tạm ứng:</p> <p>Sau khi ký hợp đồng, nhà thầu phải trình cho CĐT kế hoạch sử dụng tiền tạm ứng (như mua xi măng, sắt thép xây dựng, thép mạ kẽm, thuê nhân công, ...), trong đó có thể hiện các mốc tiến độ vật tư được tập kết đến công trường. Nhà thầu có trách nhiệm nộp cho CĐT các tài liệu chứng minh về sử dụng tiền tạm ứng như hợp đồng, chứng từ thanh toán. CĐT sẽ kiểm soát tiến độ cung cấp vật tư đến công trường theo kế hoạch. Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu sử dụng khoản tạm ứng không đúng cho công trình thì sẽ tiến hành thu bảo lãnh tạm ứng của nhà thầu.</p> <p>- Phương thức thu hồi tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán và phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết.</p> <p>Bên B phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi Bên A kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng.</p> <p>Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A.</p> <p>Trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng, toàn bộ khoản tạm ứng sẽ được thu hồi thông qua bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng đã phát hành cho nhà thầu.</p> |
| E-ĐKC 44.1 | <p>Phương thức thanh toán:</p> <p>Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu theo từng đợt nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt VTTB sau khi đã trừ tạm ứng và giữ lại (như E-ĐKC 46.1) cho mỗi kỳ thanh toán.</p> <p>a) Hồ sơ thanh toán theo từng đợt nghiệm thu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản đề nghị thanh toán: 03 bản chính. 2. Hóa đơn khối lượng nghiệm thu giai đoạn (VAT) theo quy định. 3. Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán (06 bộ). 4. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật giai đoạn (04 bộ, đính kèm danh mục hồ sơ), gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng. - Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, lắp đặt thiết bị. - Bản vẽ hoàn công bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng. |

| | |
|-------------------|--|
| | <p>- Nhật ký thi công.</p> <p>- Hồ sơ kiểm tra chất lượng các loại vật tư, thiết bị trước khi lắp đặt, các chứng chỉ kiểm định, thí nghiệm chất lượng VTTB.</p> <p><i>b) Thanh toán tiền bị giữ lại:</i></p> <p>- 5% giá trị nghiệm thu trước thuế được Chủ đầu tư thanh toán sau khi Nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng. Hồ sơ thanh toán bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đề nghị thanh toán; + Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B) theo mẫu; <p>- 5% giá trị nghiệm thu giữ lại để bảo hành công trình được Chủ đầu tư thanh toán sau khi hết thời hạn bảo hành công trình hoặc nhà thầu cung cấp bảo lãnh bảo hành có giá trị tương ứng. Hồ sơ thanh toán bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đề nghị thanh toán; + Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B) theo mẫu; + Văn bản chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình của chủ đầu tư hoặc bảo lãnh bảo hành. <p><i>c) Thời hạn thanh toán:</i></p> <p>Sau khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo qui định tại mục a nêu trên, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu bằng chuyển khoản trong vòng 14 ngày làm việc.</p> <p><i>d) Phương thức thanh toán:</i> Chuyển khoản 100%. Chi phí chuyển khoản do bên B chi trả.</p> <p><i>e) Đồng tiền thanh toán:</i> Đồng Việt Nam</p> |
| E-ĐKC 45 | <p><i>Điều chỉnh thuế: Được phép áp dụng điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i></p> |
| E-ĐKC 46.1 | <p><i>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10% giá trị nghiệm thu</i></p> <p><i><u>Bảo lãnh bảo hành:</u> Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 05 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.</i></p> <p><i><u>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành:</u> Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày</i></p> |

| | |
|----------------------|--|
| | <p>sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</p> <p>Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.</p> <p>Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p> |
| E-ĐKC 47.1(d) | <p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <p>* Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc điều chỉnh, bổ sung hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng. - Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh. Khối lượng phát sinh hợp lý và được xác định là không phải lỗi của nhà thầu thì sẽ được thanh toán và giá trị phát sinh phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá phát sinh. <p>Phương pháp xác định giá trị phát sinh như sau:</p> <p>a. Trường hợp công việc phát sinh có đơn giá trong hợp đồng đã ký:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hợp đồng đơn giá cố định: Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá của công việc tương ứng đã có trong hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng trước đó (nếu có). <p>b. Trường hợp công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng:</p> |

| | |
|-------------------|--|
| | <p><i>Trên cơ sở dự toán của công việc phát sinh được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá và giá trị phát sinh trước khi thực hiện trên nguyên tắc không vượt đơn giá và giá trị dự toán công việc phát sinh đã được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng.</i></p> <p>** Điều chỉnh tiến độ: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra”.</p> <p>d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.</p> |
| E-ĐKC 47.7 | <p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % [nêu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%] giá trị giảm giá hợp đồng.</p> |
| E-ĐKC 49.1 | <p>Mức phạt: <i>Nếu nhà thầu vi phạm về thời gian hoàn thành, chất lượng công việc như quy định tại Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ Đầu tư gây ra, nhà thầu sẽ bị phạt hợp đồng do chậm tiến độ, vi phạm chất lượng công việc.</i></p> <p>1. Về chậm tiến độ:</p> <p><i>Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu:</i></p> <p>+ Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt (12% giá trị phân Hợp đồng bị vi phạm), hoặc</p> <p>+ Nếu sau 02 lần phải điều chỉnh Tiến độ cấp 2 (đã được Chủ Đầu tư chấp thuận) mà nhà thầu vẫn tiếp tục không đạt tiến độ cấp 2 (Mỗi lần điều chỉnh tiến độ, Chủ Đầu tư gửi nhà thầu 01 văn bản cảnh báo).</p> <p>- Các mức phạt :</p> <p><i>Trong trường hợp nhà thầu vi phạm Biểu tiến độ thi công chi tiết tại ĐKC 29.1 thì Nhà thầu sẽ bị phạt như sau:</i></p> <p>- Trong thời gian thực hiện thi công, nhà thầu vi phạm tiến độ cấp 2 thì mức phạt tiến độ của mỗi tuần vi phạm được quy định như sau:</p> |

| | |
|-----------------------------|--|
| | <p>+ Phạt 0,8%/tuần phần Hợp đồng bị vi phạm chậm cho mỗi tuần chậm trễ so với tiến độ cấp 2 được duyệt.</p> <p>+ Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>2. Về vi phạm chất lượng:</p> <p>- Trường hợp nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng công trình, ngoài việc bồi thường mọi kinh phí sửa chữa theo quy định tại E-ĐKC 49.2, nếu việc sửa chữa phải kéo dài thời gian hoàn thành theo tiến độ cấp 2 được duyệt hoặc thời gian hoàn thành công trình dẫn đến chậm trễ tiến độ của công trình thì mức phạt được tiếp tục áp dụng như xử lý phạt do chậm tiến độ ở khoản 1 nói trên.</p> <p>Ngoài việc bị phạt theo các quy định nêu trên, nhà thầu sẽ bị đánh giá về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.</p> |
| E-ĐKC 49.2 | <p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>1. Trong quá trình thi công hoặc thi công hoàn thành và trong thời gian bảo hành nhưng để xảy ra sự cố do chất lượng thi công của nhà thầu làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu cung cấp điện, chất lượng điện năng, nguy cơ xảy ra tai nạn điện...nhà thầu phải bồi thường thiệt hại do mất điện được tính theo công thức sau:</p> $Z_{bt} = G_{bq} \times A_{đn} \times T_{bt} + Y_{tc}$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Z_{bt}: Giá trị bồi thường. - G_{bq}: Giá bán điện bình quân của Công ty Điện lực với tháng liền kề trước đó bị sự cố. - $A_{đn}$: Sản lượng mất điện do sự cố gây nên. - T_{bt}: Tỷ lệ bồi thường đối với trường hợp xác định không hoàn toàn do lỗi của nhà thầu. - Y_{tc}: Chi phí đền bù để thi công khôi phục tình trạng lưới điện <p>2. Bồi thường thiệt hại: Ngoài quy định về phạt vi phạm, nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng gây ra.</p> |
| E-ĐKC 49.3 | Thưởng hợp đồng: Không áp dụng. |
| E. Kết thúc hợp đồng | |
| E-ĐKC 54 | Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 72 giờ sau khi ký biên bản nghiệm thu bàn giao công trình. |

| | |
|----------------------|---|
| E-ĐKC 55.1 | Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Nhà thầu phải nộp hồ sơ hoàn công cho bên A trong thời hạn 07 ngày trước khi tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng, số lượng vẽ hoàn công công trình: 06 bộ gốc. |
| E-ĐKC 55.2 | Số tiền giữ lại: 0,1% giá hợp đồng/mỗi ngày nộp chậm. |
| E-ĐKC 56.1(a) | Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bàn giao công trình đưa vào sử dụng , nhà thầu nộp nộp hồ sơ phục vụ quyết toán công trình: 01 bộ gốc, 05 bộ sao. |